TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 10 - 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quý;

2. Bà Phạm Thị Ngọc Lý.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Trần Kim Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL - tỉnh HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh HN tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh HN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1995;

Nơi ĐKHKTT: Thôn V1, xã LT, huyện TL, tỉnh HN; nơi ở: Xóm 3, xã LC, thành phố PL, tỉnh HN; có mặt,

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T1 - sinh năm 1989;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn V1, xã LT, huyện TL, tỉnh HN; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị H1 trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện; đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện TL, tỉnh HN ngày

23/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống; anh T1 thường đi uống rượu say xỉn, về nhà chửi bới, đánh đập vợ; dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Do không chịu được tính cách của anh T1, nên khoảng tháng 5/2015, chị đã mang theo con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo về đoàn tụ, chính quyền xã LT hòa giải, song không thành. Nay chị xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Thị T2 - sinh ngày 17/9/2013; hiện nay cháu T2 đang sống cùng chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 27/7/2017 và biên bản hòa giải ngày 09/8/2017, bị đơn Phạm Văn T1 trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H1 trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 4 đến 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Mặt khác, do chị H1 nghi ngờ anh ngoại tình nên thường xuyên dằn vặt anh, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến tháng 05 năm 2015, chị H1 đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở; vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và chính quyền hòa giải nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị H1 trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

Các vấn đề khác như tài sản chung, công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Nguyên đơn và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Phạm Văn T1. Giao con chung của chị H1 và anh T1 cho chị Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Nguyễn Thị H1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1 có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh Phạm Văn T1 hiện đang cư trú tại xã LT, huyện TL, tỉnh HN; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện TL.

[2] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Phạm Văn T1 là tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, do bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2015 cho đến nay, không quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải, chính quyền địa phương và Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng không thành.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H1 và anh T1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc xin ly hôn của chị H1 là có căn cứ, phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 01 con chung là cháu Phạm Thị T2 - sinh ngày 17/9/2013. Hội đồng xét xử xét thấy: Con chung của anh chị hiện còn nhỏ. Chị H1 có công việc ổn định, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Anh T1 không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình. Đại diện chính quyền, đoàn thể xã LT, huyện TL, tỉnh HN đề nghị Tòa án giao con chung của vợ chồng cho chị H1 nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu T2. Vì vậy, nên giao con chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị H1 nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T2. Chị H1 không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Phạm Văn T1 đều không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Phạm Văn T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phạm Thị T2 - sinh ngày 17/9/2013 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi; anh Phạm Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị H1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 04224 ngày 20/7/2017.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HN;
- VKSND huyện TL;
- Chi cục THADS huyện TL;
- UBND xã LT, huyện TL, tỉnh HN;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Xuân Cảnh